

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15-5-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm;

2. Ông Trần Đình Thừa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1992; thường trú: 130/10 đường L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: 438 N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990; thường trú: 130/10 đường L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện yêu nhau, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 cấp ngày 13/5/2016 nên hôn nhân là tự nguyện và có sự chấp thuận của gia đình hai bên.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Ông Nguyễn Hữu T không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, cũng như không có tiếng nói chung nên dẫn đến nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng, mặc dù đã có nhiều nỗ lực hàn gắn tình cảm. Nay bà N xác định cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục cùng nhau xây dựng gia đình nên bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Hữu T có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Tường L, sinh ngày 20/8/2017; Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 27/10/2019; Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 25/10/2021. Sau ly hôn, bà N có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con và yêu cầu ông T cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi người con là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), tổng số tiền cấp dưỡng cho 03 người con chung là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về phía bị đơn ông Nguyễn Hữu T:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng N nhưng ông Nguyễn Hữu T không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 01/4/2024; tham gia phiên tòa vào các ngày 22/4/2024 và 15/5/2024 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

*Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Hữu T do Tòa án tiến hành, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Bà N và ông T trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện

khu phố, nhân dân phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 22/4/2024 và 15/5/2024 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 13 tháng 5 năm 2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông Nguyễn Hữu T không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, thường xuyên bỏ bê gia đình. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng được. Nguyên đơn không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Hữu T có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Tường L, sinh ngày 20/8/2017; Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 27/10/2019; Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 25/10/2021. Hiện con chung đang ở cùng với bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Hữu T. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng 03 người con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng tại Tòa án ông Nguyễn Hữu T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Trong thời gian trước đây và hiện nay các cháu Nguyễn Ngọc Tường L, Nguyễn Ngọc Bảo T1, Nguyễn Ngọc Tường V được bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và đảm

bảo tốt về mọi mặt nên việc giao các cháu Nguyễn Ngọc Tường L, Nguyễn Ngọc Bảo T1, Nguyễn Ngọc Tường V cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: bà N yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho 03 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ chung của cha mẹ đối với con chưa thành niên quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, do ông T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không có ý kiến gì đối với mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà N. Mặt khác bà N không chứng minh được công việc, mức thu nhập hàng tháng của ông T, do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi ba con mỗi tháng 6.000.000 đồng của bà N. Tuy nhiên, căn cứ vào nhu cầu thực tế và mức sống trung bình tại địa phương nên cần buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N về việc ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hữu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T (theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 13/5/2016 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp).

- Về con chung: Ông Nguyễn Hữu T giao con chung Nguyễn Ngọc Tường L, sinh ngày: 20/8/2017; Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày: 27/10/2019; Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày: 25/10/2021 cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Tường L mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1 mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Tường V mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Hữu T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001523 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Hiền**